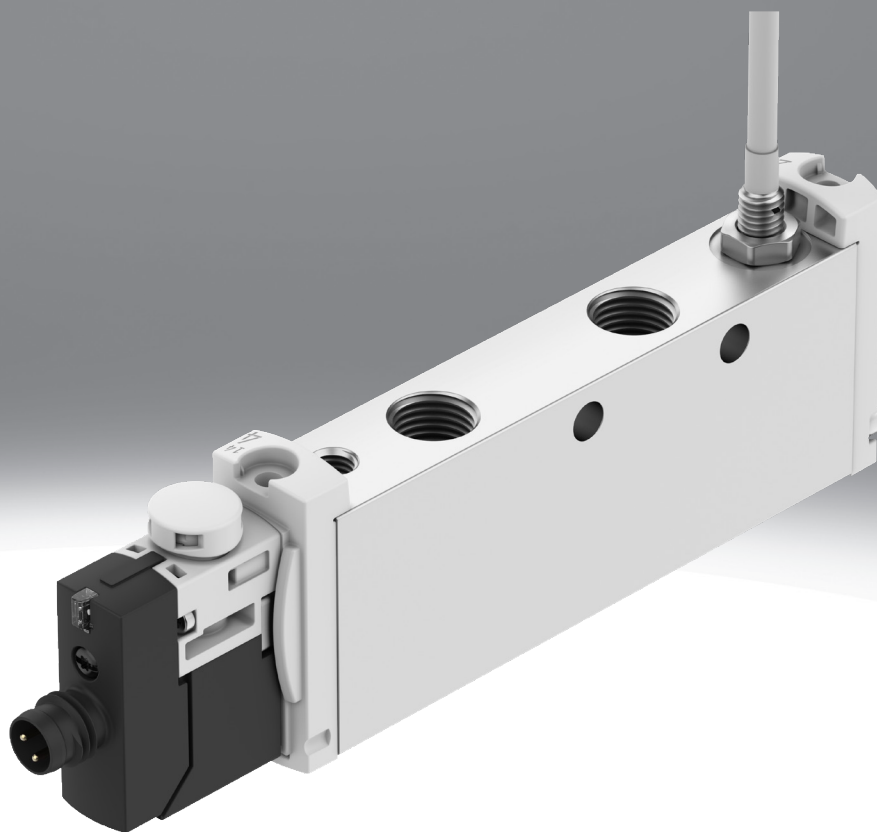


Khởi điều khiển VOFT

FESTO



Đặc trưng

Tổng quan

Van VOFT là van điều khiển điện, đơn ổn định 6/2-một chiều để lắp đặt trực tuyến. Van có chức năng chẩn đoán bằng cách truy vấn vị trí chuyển mạch và đóng ở vị trí nghỉ. Pít-tông được đưa về vị trí ban đầu nhờ lò xo nén cơ học. Van được cung cấp theo các biến thể 4. Kênh đơn hoặc kênh đôi, mỗi kênh đều có chức năng ghi đè thủ công tạm thời hoặc ẩn.

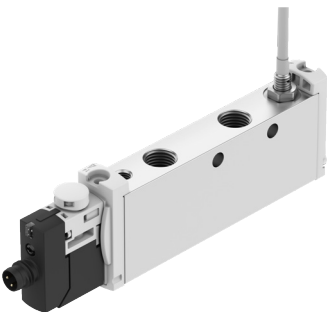
Chức năng bổ sung

Nhờ chức năng, cấu trúc chắc chắn và khả năng giám sát vị trí chuyển mạch đáng tin cậy, van phù hợp để thực hiện các chức năng an toàn:

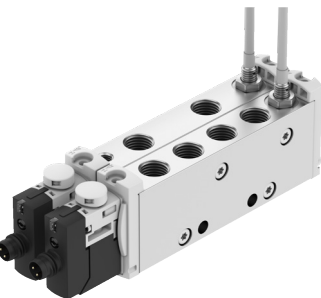
- STO (Tắt mô-men xoắn an toàn)
- PUS (Bảo vệ chống khởi động bất ngờ)

Chức năng van

[M62] Van nhánh 6/2, ổn định đơn

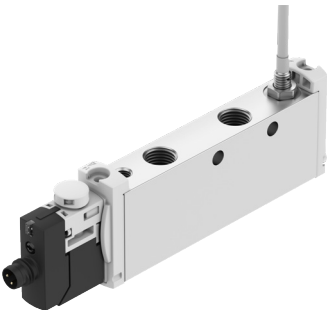


[T62] Van nhánh 6/2, ổn định đơn, hai kênh

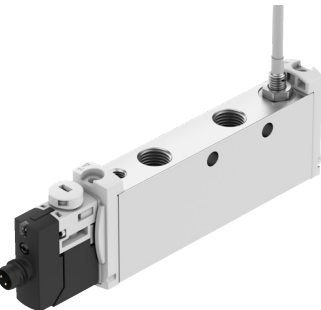


Vận hành thủ công

[S] Bị che



[T2] Tạm thời và chốt, với phụ kiện chỉ tạm thời



Bằng cách nhấn nút ghi đè thủ công tạm thời, van VOFT sẽ được di chuyển từ vị trí ban đầu sang vị trí chuyển mạch.

Mã mẫu

001	Dòng	
VOFT	Khối điều khiển	
002	Loại van điều khiển	
L	Van ống	
003	Nguyên tắc kết cấu	
	Thanh trượt piston	
004	Nguyên lý phốt	
	Phốt mềm	
005	Kích thước	
14	Kích thước 14	
006	Chức năng van	
M62	Van nhánh 6/2, ổn định đơn	
T62	Van nhánh 6/2, ổn định đơn, hai kênh	
007	Đặt lại chế độ cho van đơn ổn	
M	Lò xo cơ học	
008	Nguồn khí cấp điều khiển	
Z	Ngoài	

009	Vận hành thủ công	
S	Bị che	
T2	Tạm thời và chốt, với phụ kiện chỉ tạm thời	
010	Cổng nối khí nén	
G18	G1/8	
011	Điện áp hoạt động định mức	
1	24 V DC	
012	Cổng nối điện	
M8	Phích cắm M8, được mã hóa A	
013	Mạch	
R	Hạ dòng điện giữ với mạch bảo vệ tích hợp	
014	Hiển thị	
L	Đèn LED	
015	Phát hiện vị trí	
2APC	2 Công tắc tiệm cận, PNP với đầu dây hở	
APC	Công tắc tiệm cận, PNP với đầu cáp mở	

Bảng dữ liệu

Các thông số kỹ thuật an toàn	
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Cảm biến bảo vệ phân cực ngược	cho tất cả các cổng nối điện
Phương pháp xác định thành phần đã được chứng minh	Đường dẫn c2) theo EN ISO 13894-1:2023, Chương 6.1.11; phải được sản xuất, xác minh và xác nhận theo các nguyên tắc chứng minh tính phù hợp và độ tin cậy của nó đối với các ứng dụng liên quan đến an toàn theo tiêu chuẩn ứng dụng và sản phẩm hiện hành. Biện pháp: Tuân thủ các nguyên tắc và thử nghiệm an toàn Xem CA-0759 để biết chi tiết
Bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp	PELV
Mức độ bảo vệ	IP65

Thông số kỹ thuật chung				
Nút ghi đè	quét		bị che	
Chức năng van	Van nhánh 6/2, ổn định đơn, hai kênh	Van nhánh 6/2, ổn định đơn	Van nhánh 6/2, ổn định đơn, hai kênh	Van nhánh 6/2, ổn định đơn
Chiều rộng lắp đặt	29 mm	14,5 mm	29 mm	14,5 mm
Kiểu vận hành	điện			
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông			
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học			
Chức năng khí xả	không thể điều tiết			
Nguyên lý bít	mềm			
Vị trí lắp đặt	bất kì			
Tuân theo tiêu chuẩn	EN 60947-5-2			
Kiểu điều khiển	điều khiển trước			
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài			
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược			
Nguyên tắc đo lường	cảm ứng			
Xếp chồng	gối chồng âm			
Lưu ý về lấy mẫu động bất buộc	Thông tin hiện tại về chủ đề này có thể được tìm thấy trong Báo cáo kỹ thuật V			
Hiển thị vị trí chuyển mạch	Đèn LED			
Hiển thị trạng thái chuyển mạch cảm biến	Đèn LED			
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED màu vàng, điều khiển van			
Truy vấn vị trí chuyển mạch	Vị trí nghỉ ngơi với cảm biến			
Thời gian bật	100%			
Kiểu gắn	có lỗ xuyên cho vít M4			
Chức năng phần tử chuyển mạch	Bộ mở			
Lưu lượng danh định được chuẩn hóa theo ISO 8778	400 l/ph	830 l/ph	400 l/ph	830 l/ph
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	360 l/ph	770 l/ph	360 l/ph	770 l/ph
trọng lượng sản phẩm	280 g	140 g	280 g	140 g
giá trị b	0,45	0,42	0,45	0,42
Giá trị C	1,5 l/s*bar	3 l/s*bar	1,5 l/s*bar	3 l/s*bar

Bảng dữ liệu

Các điều kiện vận hành và môi trường	
Cổng nối khí nén 1	G1/8
Cổng nối khí nén 2	G1/8
Cổng nối khí nén 3	G1/8
Cổng nối khí nén 4	G1/8
Cổng nối khí nén 5	G1/8
Cổng nối khí nén 6	G1/8
Cổng nối khí điều khiển 14	M5
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ¹⁾	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Lớp chống ăn mòn KBK ³⁾	2 - bị ăn mòn vừa phải
Chiều cao vận hành định mức	1.000 m theo VDE 0580
Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14	Loại 5 theo ISO 14644-1
Mức áp suất âm thanh	64 dB(A)
Nhiệt độ bảo quản	-10 ... 60°C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 ... 50°C
Nhiệt độ trung bình	-5 ... 50°C

1) Vui lòng tham khảo phạm vi sử dụng trong tuyên bố phù hợp tiêu chuẩn Châu Âu: www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Trong trường hợp có hạn chế về việc sử dụng thiết bị trong các khu dân cư, khu thương mại, và khu công nghiệp cũng như tại các doanh nghiệp nhỏ, có thể một số biện pháp bổ sung khác để giảm thiểu phát xạ nhiễu là cần thiết.

2) Vui lòng tham khảo phạm vi sử dụng trong tuyên bố phù hợp tiêu chuẩn Châu Âu: www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Trong trường hợp có hạn chế về việc sử dụng thiết bị trong các khu dân cư, khu thương mại, và khu công nghiệp cũng như tại các doanh nghiệp nhỏ, có thể một số biện pháp bổ sung khác để giảm thiểu phát xạ nhiễu là cần thiết.

3) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

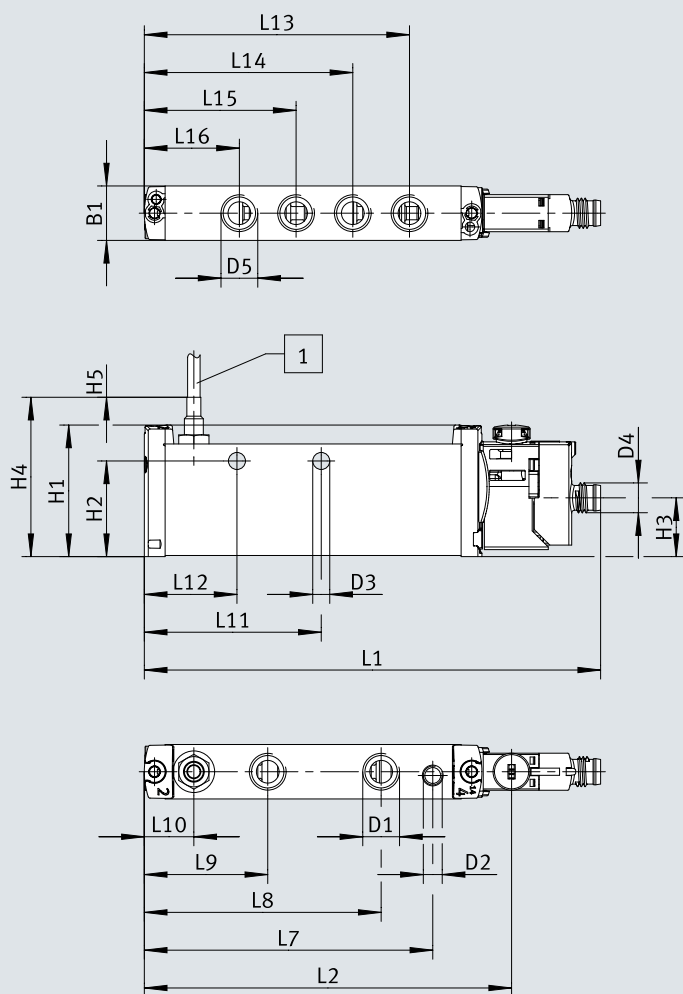
Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật điện	
Dải điện áp hoạt động DC	24 V
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Dải điện áp hoạt động DC cảm biến	10 ... 30 V
Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0	800 μ s
Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu	400 μ s
Dao động điện áp cho phép	-10%
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: Giai đoạn dòng điện thấp 0,4 W, giai đoạn dòng điện cao 1,0 W
Cảm biến điện trở ngắn mạch	có
Cảm biến dòng điện không tải	10 mA
Dòng điện đầu ra tối đa cảm biến	200 mA
Tần số chuyển mạch tối đa cảm biến	5.000 Hz
Sóng dư cảm biến	$\pm 10\%$
Sụt áp cảm biến	2 V
kết nối cảm biến	Cáp, 3 cực, 2,5 m
Van - thời gian chuyển đổi cảm biến tắt	70 ms
Van - thời gian chuyển đổi cảm biến bật	11 ms
Cổng nối điện	2x giắc cắm, 3 cực, M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104, Giắc cắm
Thời gian chuyển mạch bật	14 ms
Thời gian chuyển mạch tắt	65 ms

Vật liệu	
Vật liệu của phốt	FPM, HNBR, NBR
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu vỏ bọc cáp	PVC
Vật liệu vít	Thép, mạ niken hóa học
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Kích thước

Kích thước – Khối điều khiển, 1 kênh

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com


[1] Chiều dài cáp

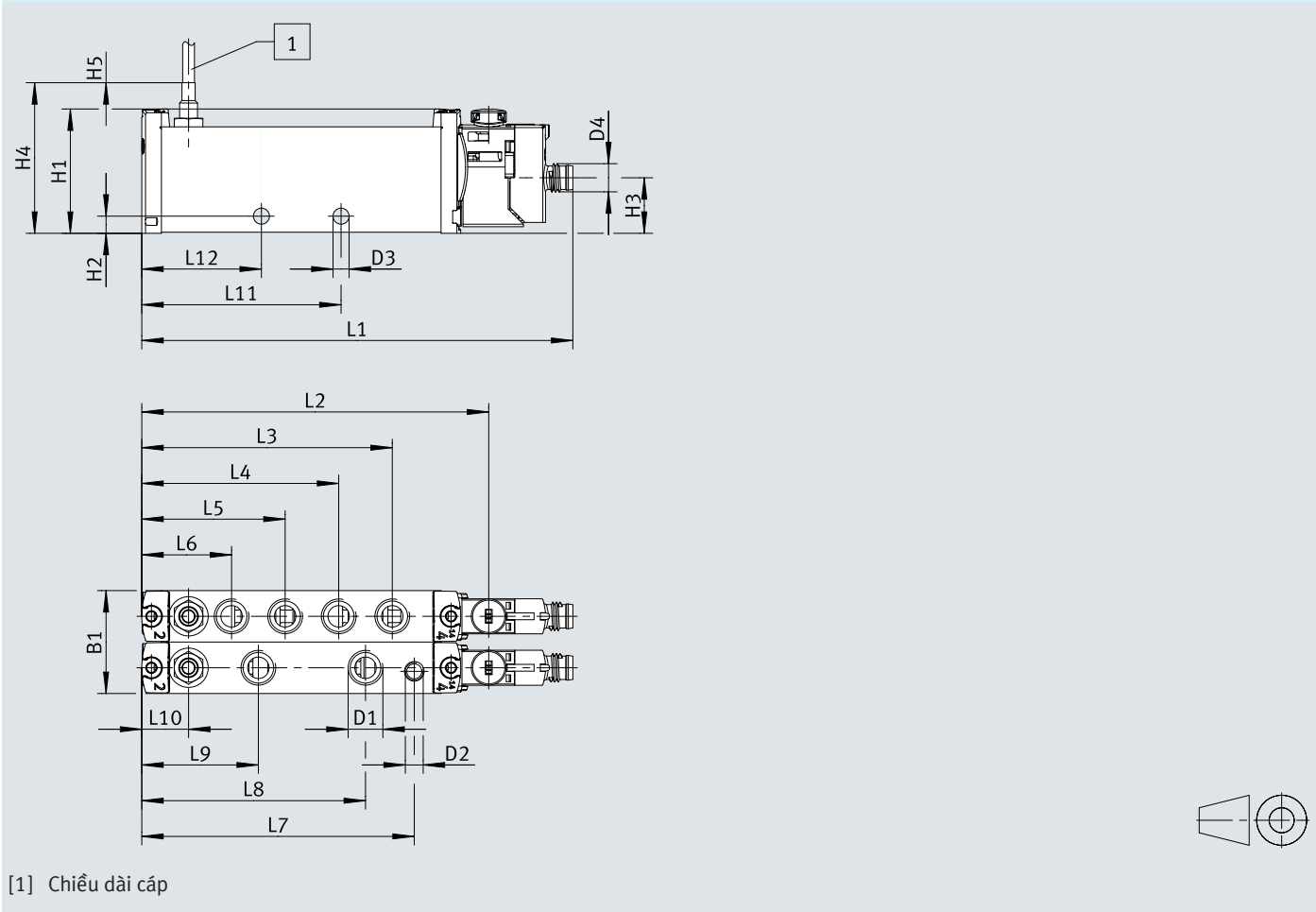
	B1	D1	D2	D3 Ø	D4	D5	H1	H2	H3	H4	H5
VOFT-L14-M62-MZT2-G18-1M8RL-APC	14,4	G1/8	M5	4,5	M8	G1/8	34,8	25,3	15,6	15,6	2500
VOFT-L14-M62-MZS-G18-1M8RL-APC											

	L1	L2	L7	L8	L9	L10	L11	L12	L13	L14	L15	L16
VOFT-L14-M62-MZT2-G18-1M8RL-APC	120,7	97,2	76,3	62,6	32,6	13,1	46,8	24,5	70,1	55,1	40,1	25,1
VOFT-L14-M62-MZS-G18-1M8RL-APC												

Kích thước

Kích thước – Khối điều khiển, 2 kênh

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



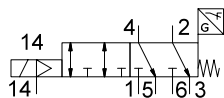
[1] Chiều dài cáp

	B1	D1	D2	D3 Ø	D4	H1	H2	H3	H4	H5
VOFT-L14-T62-MZT2-G18-1M8RL-2APC	28,8	G1/8	M5	4,5	M8	34,8	4,8	15,6	15,6	2500
VOFT-L14-T62-MZS-G18-1M8RL-2APC										

	L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10	L11	L12
VOFT-L14-T62-MZT2-G18-1M8RL-2APC	120,7	97,2	70,1	55,1	40,1	25,1	76,3	62,6	32,6	13,1	55,8	33,5
VOFT-L14-T62-MZS-G18-1M8RL-2APC												

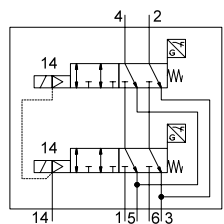
Thông tin đặt hàng

Khối điều khiển, 1 kênh



Chức năng van	Nút ghi đề	Số bộ phận	Loại
Van nhánh 6/2, ổn định đơn	quét	8219319	VOFT-L14-M62-MZT2-G18-1M8RL-APC
	bị che	8219320	VOFT-L14-M62-MZS-G18-1M8RL-APC

Khối điều khiển, 2 kênh



Chức năng van	Nút ghi đề	Số bộ phận	Loại
Van nhánh 6/2, ổn định đơn, hai kênh	quét	8219317	VOFT-L14-T62-MZT2-G18-1M8RL-2APC
	bị che	8219318	VOFT-L14-T62-MZS-G18-1M8RL-2APC

Phụ kiện

Giảm ẩm cho các ứng dụng liên quan đến an toàn



Cổng nối khí nén	Vật liệu bộ giảm chấn	Áp suất vận hành ¹⁾	Nhiệt độ môi trường xung quanh	Số bộ phận	Loại
G1/8	PE	0 ... 8 bar	-10 ... 60 °C	197583	UO-1/8

1) Đối với các ứng dụng liên quan đến an toàn, tùy thuộc vào cấp độ an toàn mong muốn và mức hiệu năng, việc sử dụng giảm ẩm mở sẽ là bắt buộc.
 Áp suất làm việc tối đa cho phép của giảm ẩm được sử dụng không được vượt quá giới hạn quy định.

Giảm âm cho các ứng dụng tiêu chuẩn



Cổng nối khí nén	Vật liệu bộ giảm chấn	Mức áp suất âm thanh	Số bộ phận	Loại
G1/8	PE	59 dB(A)	161419	UC-1/8